ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2016 /QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 13 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu"; Vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - Rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 121/TTr-VPĐP ngày 04 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu"; Vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - Rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch

UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo TW các Chương trình MTQG;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn

(giao UBND các huyện, thị xã sao gửi);
- Lưu: VT, KTTH, KTN(L).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thanh Tùng

Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Tỉnh Đắk Nông
13.12.2019 14:45:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày tháng 12 năm 2019

QUY ĐỊNH

Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu"; Vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - Rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 13 /12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các Khu dân cư trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh (khuyến khích áp dụng thực hiện tại các Khu dân cư trên địa bàn các phường, thị trấn trong toàn tỉnh).

2. Các vườn, rẫy trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh (khuyến khích áp dụng thực hiện cho các hộ gia đình, cá nhân có vườn, rẫy trên địa bàn các phường, thị trấn trong toàn tỉnh).

3. Các huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu"; Vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - Rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc xét, công nhận, công bố Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu" và Vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các Khu dân cư và Vườn, rẫy sau khi được công nhận đạt chuẩn thì giữ vững, duy trì kết quả đã đạt được và tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí để đạt ở mức cao nhất so với quy định của Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố

Chủ tịch UBND cấp huyện xét, công nhận và công bố Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu" và Vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thị xã.

Điều 4. Điều kiện công nhận

1. Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu" phải đảm bảo điều kiện:

a) Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn Khu dân cư đạt chuẩn theo quy định;

b) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản (kể cả phần đối ứng của người dân) trong xây dựng nông thôn mới.

2. Vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới phải đảm bảo điều kiện: Có 100% tiêu chí thực hiện trên vườn, rẫy đạt chuẩn theo quy định.

Điều 5. Phương pháp xác định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

Mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí để xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Vườn mẫu, rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên cơ sở quy định tại: Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí về Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ KHU DÂN CƯ ĐẠT CHUẨN "KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU"

Điều 6. Công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

Trình tự, thủ tục công nhận gồm các bước:

1. Khu dân cư tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn theo bộ tiêu chí xây dựng "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu".

2. UBND cấp xã tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu".

3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu".

Điều 7. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

1. Tổ chức tự đánh giá

a) Khu dân cư thành lập Đoàn đánh giá *(gồm các thành viên là đại diện ban phát triển thôn, bon, buôn, bản; các già làng, người có uy tín; các hội, đoàn thể,...có trên địa bàn Khu dân cư)* để đánh giá cụ thể mức độ đạt từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Đoàn đánh giá xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí, báo cáo UBND cấp xã.

2. Tổ chức lấy ý kiến

a) Báo cáo đánh giá kết quả đạt từng tiêu chí phải được công bố công khai và thông báo rộng rãi trong thời gian 15 ngày để lấy ý kiến góp ý của người dân trên địa bàn Khu dân cư.

b) Đoàn đánh giá bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của Khu dân cư sau khi nhận ý kiến tham gia của người dân.

3. Hoàn thiện hồ sơ

a) Khu dân cư tổ chức họp dân *(cuộc họp phải có ít nhất 70% đại diện các hộ gia đình trên địa bàn Khu dân cư tham dự)* để thảo luận, lấy ý kiến đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp đạt từ 90% trở lên.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Khu dân cư nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện về cho UBND xã, phường, thị trấn để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Đơn đề nghị của Khu dân cư về việc thẩm tra, xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu" *(bản chính, theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí tại Khu dân cư *(bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).*

- Biên bản họp Khu dân cư đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu *(bản chính, theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).*

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã.

Điều 8. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

1. Tổ chức thẩm tra

a) UBND cấp xã thành lập Đoàn thẩm tra (gồm đại diện các thành viên trong Ban Chỉ đạo xã, Ban quản lý xã) để thẩm tra, đánh giá cụ thể mức độ đạt từng tiêu chí của Khu dân cư; Ban quản lý cấp xã xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí của Khu dân cư, báo cáo UBND cấp xã.

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu), UBND cấp xã trả lời bằng văn bản cho các Khu dân cư về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng Khu dân cư; nêu rõ lý do chưa xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Tổ chức lấy ý kiến

a) UBND cấp xã tổng hợp danh sách các Khu dân cư đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và được công bố công khai tại trụ sở UBND xã và thông báo ít nhất 03 lần trên hệ thống truyền thanh của xã để lấy ý kiến của người dân trên địa bàn xã.

b) UBND cấp xã gửi báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí của từng Khu dân cư để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã. UBND cấp xã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng Khu dân cư đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Hoàn thiện hồ sơ

a) UBND cấp xã tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo và Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã và đại diện các Khu dân cư được xét, đề nghị đạt chuẩn) để thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; hoàn thiện hồ sơ đề nghị, xét công nhận đạt chuẩn khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp đạt từ 90% trở lên (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ 90% đại biểu tham dự họp).

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, UBND cấp xã nộp trực tiếp hoặc đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu" *(bản chính, theo Mẫu 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng Khu dân cư *(bản chính, theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

- Biên bản họp của UBND cấp xã về thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu *(bản chính, theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

- Báo cáo của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới cho từng Khu dân cư.

(Kèm theo 01 bộ hồ sơ của Khu dân cư nộp để thẩm tra được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 7 Quy định này)

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

Điều 9. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm định

a) UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng Khu dân cư thuộc các xã trên địa bàn huyện; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng Khu dân cư, báo cáo UBND cấp huyện.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng Khu dân cư trên; nêu rõ lý do Khu dân cư chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tổ chức xét, công nhận

a) UBND cấp huyện tổ chức họp *(gồm thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và đại diện lãnh đạo các xã trên địa bàn huyện có Khu dân cư được xét, công nhận đạt chuẩn)* để thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới cho từng Khu dân cư (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 80% trở lên số thành viên Ban Chỉ đạo có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên tham dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện theo đề xuất của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện. Quyết định công nhận Khu dân cư đạt chuẩn gửi về UBND cấp tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) để biết, theo dõi, kiểm tra, giám sát.

c) Mẫu bằng công nhận Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu": *Theo mẫu số 07 Quy định này.*

3. Công bố

a) Chủ tịch UBND cấp huyện công bố Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của huyện.

b) Thời hạn tổ chức công bố Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu là không quá 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu do UBND cấp xã thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ VƯỜN, RẪY ĐẠT CHUẨN "VƯỜN MẪU - RẪY MẪU" TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 10. Công nhận Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

Trình tự, thủ tục công nhận gồm các bước sau:

1. Chủ vườn, rẫy tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

2. UBND cấp xã tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn "vườn mẫu - rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới.

3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới.

Điều 11. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

1. Tổ chức đánh giá

a) Chủ vườn, rẫy tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

b) Chủ vườn, rẫy xây dựng báo cáo đánh giá mức độ thực hiện từng tiêu chí, báo cáo UBND cấp xã.

2. Hoàn thiện hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn, chủ vườn, rẫy nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Đơn đề nghị của chủ vườn, rẫy về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới *(bản chính, theo Mẫu 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của vườn, rẫy theo Bộ tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới *(bản chính, theo Mẫu 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

b) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã.

Điều 12. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm tra

a) UBND cấp xã thành lập Đoàn thẩm tra (gồm đại diện các thành viên trong Ban Chỉ đạo xã, Ban quản lý xã) để thẩm tra, đánh giá cụ thể mức độ đạt từng tiêu chí của vườn, rẫy; Ban quản lý cấp xã xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí của vườn, rẫy, báo cáo UBND cấp xã.

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, công nhận vườn mẫu - rẫy mẫu), UBND cấp xã trả lời bằng văn bản cho chủ vườn, rẫy về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng vườn, rẫy; nêu rõ lý do chưa xét, công nhận vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

2. Tổ chức lấy ý kiến

UBND cấp xã tổng hợp danh sách các vườn, rẫy đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và được công bố công khai tại trụ sở UBND xã và thông báo ít nhất 03 lần trên hệ thống truyền thanh của xã để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trên địa bàn xã. UBND cấp xã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng vườn, rẫy đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

3. Hoàn thiện hồ sơ

a) UBND cấp xã tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo và Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã và đại diện các chủ vườn, rẫy được xét, đề nghị đạt chuẩn) để thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị, xét công nhận đạt chuẩn khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp đạt từ 90% trở lên (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ 90% đại biểu tham dự họp).

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới, UBND cấp xã nộp trực tiếp hoặc đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới" *(bản chính, theo Mẫu 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng vườn, rẫy *(bản chính, theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

- Biên bản họp của UBND cấp xã về thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới *(bản chính, theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);*

(Kèm theo 01 bộ hồ sơ của chủ vườn, rẫy nộp để thẩm tra được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 11 của Quy định này)

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

Điều 13. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố vườn, rẫy đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm định, xét, công nhận

a) UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng vườn, rẫy thuộc các xã trên địa bàn huyện; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng vườn, rẫy, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng vườn, rẫy; nêu rõ lý do vườn, rẫy chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện theo đề xuất của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện. Quyết định công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn gửi về UBND cấp tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) để biết, theo dõi, kiểm tra, giám sát.

d) Mẫu bằng công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới"**:** *Theo mẫu số 13 Quy định này.*

3. Công bố

Chủ tịch UBND cấp xã công bố vườn, rẫy đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới và công bố công khai tại trụ sở UBND xã và trên đài phát thanh xã; trao quyết định công nhận cho chủ vườn, rẫy đạt được công nhận đạt chuẩn.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Khen thưởng, kinh phí

1. Hàng năm, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định khen thưởng Khu dân cư đạt chuẩn "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu" và vườn, rẫy đạt chuẩn "Vườn mẫu - rẫy mẫu" trong xây dựng nông thôn mới theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện thẩm tra, thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới do ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

- Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện Quy định này.

- Các Sở, Ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện và đánh giá, công nhận đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới và Bộ tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện: Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hoàn thiện thủ tục thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận và công bố Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã: Tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hoàn thiện thủ tục thẩm tra, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận và công bố Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thanh Tùng

PHỤ LỤC
CÁC MẪU CỦA HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU VÀ VƯỜN MẪU - RẪY MẪU TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 13 /12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk nông)

I. MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thẩm tra, xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

……, ngày …… tháng….. năm …..

Kính gửi: UBND xã ……., huyện ……, tỉnh……..

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí về Vườn mẫu, rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Tính đến tháng .... năm …, Khu dân cư ……,xã……, huyện……..có số tiêu chí đã đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông là …../ ….. tiêu chí và có đủ điều kiện để được xét, công nhận đạt chuẩn.

Vì vậy, Kính đề nghị UBND xã ……,huyện ……, tỉnh……xem xét, thẩm tra, công nhận đạt chuẩn./.

ĐẠI DIỆN KHU DÂN CƯ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

UBND XÃ..... **KHU DÂN CƯ.....** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng ..... năm 20....

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của Khu dân cư..... xã ....., huyện ..... tỉnh .....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Khu dân cư

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

1. Công tác chỉ đạo, Điều hành

2. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Nhà nước.....triệu đồng (ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã)
- Vốn vay tín dụng ..... triệu đồng.
- Doanh nghiệp ..... triệu đồng.
- Nhân dân đóng góp ..... triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định là ...../ ..... tiêu chí, đạt ..... %, cụ thể

1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện theo từng chỉ tiêu, tiêu chí: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

b) Tự đánh giá: Đạt/Không đạt

2. Tiêu chí số ..... về .....

a) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện theo từng chỉ tiêu, tiêu chí: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

b) Tự đánh giá: Đạt/Không đạt

n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện theo từng chỉ tiêu, tiêu chí: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

b) Tự đánh giá: Đạt/Không đạt

(Đánh giá theo biểu kèm theo)

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

VI. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

TM. KHU DÂN CƯ.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Khu dân cư, ...xã....., huyện ....., tỉnh .....

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện *(Ghi rõ nội dung, số liệu đã thực hiện)*	Đánh giá Đạt/Không đạt
1	Đường giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn trên địa bàn Khu dân cư *(đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, bon, buôn; đường liên thôn, bon, buôn; đường ngõ, xóm;...)* được cứng hóa đạt chuẩn theo quy định và đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	100% (≥90% nhựa hóa hoặc bê tông hóa		
		1.2. Cắm mốc đầy đủ hành lang các loại đường: trục xã; liên xã; trục thôn, bon buôn, liên thôn, bon, buôn *(nếu có)* theo quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt	Đạt		

		1.3. Có biển báo giao thông đầu các trục đường chính của Khu dân cư (biển chỉ dẫn, biển báo hạn chế trọng tải xe,….)		Đạt		
		1.4. Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn trong Khu dân cư có trồng hoa hoặc cây xanh		≥80%		
2	Hệ thống điện	2.1. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện		100%		
		2.2. Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn trên địa bàn Khu dân cư có hệ thống điện chiếu sáng		100%		
3	Nhà ở và công trình phụ trợ	3.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định		≥90%		
		3.2. Không còn nhà tạm, nhà dột nát		Đạt		
		3.3. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo nội dung cuộc vận động *"xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"*		100%		
		3.4. Tỷ lệ hộ gia đình có các công trình phụ trợ, đồ đạc được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học		≥90%		
		3.5. Các hộ gia đình có hàng rào bằng bê tông, xây gạch, đá, sắt,… thì phải phủ xanh hoặc trồng cây xanh trong/ngoài		Đạt		
4	Công trình cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Có cổng chào vào Khu dân cư				
		4.2. Có hệ thống loa phát thanh đảm bảo tất cả các hộ gia đình trong thôn, bon, buôn, bản nghe được và hoạt động hàng ngày				
		4.3. Nhà văn hóa và khu thể thao *(áp dụng đối với Khu dân cư có nhà văn hóa thôn, bon, buôn, bản nằm trên địa bàn Khu dân cư)*	4.3.1. Khuôn viên cảnh quan nhà văn hóa được xây dựng xanh - sạch - đẹp (có hàng rào, cổng chào, sân được bê tông hóa; trồng cây xanh; có các pano, áp phích tuyên truyền,…)	Đạt		
			4.3.2. Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt		
			4.3.3. Có khu thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt thể dục, thể thao của người dân	Đạt		

			4.3.4. Nhà văn hóa và khu thể thao và khu thể thao hoạt động hiệu quả, thu hút được người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao hàng năm	Đạt		
			4.3.5. Có Ban quản lý nhà văn hóa và khu thể thao	Đạt		
5	Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập và giảm nghèo	5.1. Có ít nhất 5 mô hình phát triển sản xuất có ứng dụng khoa học công nghệ và đảm bảo an toàn thực phẩm		Đạt		
		5.2. Thu nhập bình quân ít nhất bằng 1,5 lần so với thu nhập bình quân toàn xã tại thời điểm xét		Đạt		
		5.3. Không có hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo)		Đạt		
6	Văn hóa, giáo dục, y tế	6.1. Có ít nhất từ 90% trở lên hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; trong đó có ít nhất 70% đạt liên tục 3 năm liền		Đạt		
		6.2. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; các hộ gia đình thực hiện tốt quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội		100%		
		6.3. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học và học lớp 6 (THCS)		100%		
		6.4. Không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật		Đạt		
		6.5. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế		≥90%		
7	Vệ sinh môi trường nông thôn	7.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định		100% (≥80% nước sạch)		
		7.2. Rác thải hộ gia đình phải được phân loại và tập kết đúng nơi quy định để được thu gom và xử lý theo quy định		Đạt		
		7.3. 100% chuồng trại chăn nuôi (nếu có) đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas, chế phẩm sinh học hoặc có các biện pháp khác để không gây ô nhiễm môi trường,...)		Đạt		
		7.4. Không có tình trạng vứt, xả rác nơi công cộng		Đạt		

		7.5. Định kỳ tối thiểu 01 tháng/lần có tổ chức làm vệ sinh chung toàn Khu dân cư	Đạt		
8	An ninh trật tự xã hội	8.1. Có mô hình quần chúng tự phòng, tự quản về an ninh trật tự và hoạt động hiệu quả	Đạt		
		8.2. An ninh trật tự xã hội Khu dân cư luôn được đảm bảo và giữ vững	Đạt		
9	Xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và các quy định khác	9.1. Có xây dựng các quy ước, hương ước	Đạt		
		9.2. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của quy ước, hương ước	100%		
		9.3. Người dân đóng góp đầy đủ các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật	Đạt		
		9.4. 100% hộ gia đình tổ chức treo cờ tổ quốc vào các ngày lễ lớn có quy định phải treo cờ tổ quốc	Đạt		
10	Vườn - rẫy kiểu mẫu	Có ít nhất 02 vườn - rẫy đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh	Đạt		

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ….. tháng ….. năm ……

BIÊN BẢN

Họp đề nghị thẩm định, xét, công nhận Khu dân cư ……
đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm ……

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo ngày …../ ……/ ……. của Đoàn đánh giá về kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn.

Hôm nay, vào hồi …….. giờ …….. phút ngày …../ …../ …… tại ……., UBND xã …… ,huyện …….. tổ chức họp để đề nghị tthẩm định, xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): …… - Chức vụ, - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): …… - Chức vụ;

- ……..

- Ông (bà): …….. - Chức vụ, - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Khu dân cư báo cáo kết quả tự đánh giá về kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu……(tên khu dân cư).

- ……

- ……

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận Khu dân cư …….. đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm ……. là ……/tổng số …….. thành viên tham dự cuộc họp, đạt ……..%.

Biên bản kết thúc hồi …… giờ …….. phút ngày …../ ……/ ……, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí đề nghị xã thẩm tra, xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN **Xã.....** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ...../TTr-UBND	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định, xét, công nhận Khu dân cư .....
đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Kính gửi: UBND huyện/thị xã.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND xã..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân nông thôn mới kiểu mẫu cho Khu dân cư .....;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../ ...../20.... của UBND xã ..... đề nghị xét, công nhận Khu dân cư..... đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu,

UBND xã ..... kính trình UBND huyện/thị xã ..... thẩm định, xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo ..... thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới đối với Khu dân cư ..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí);

2. Báo cáo ..... cáo tổng hợp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trên địa bàn xã tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn cho từng Khu dân cư (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp ..... đề nghị xét, công nhận Khu dân cư ..... đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo .....của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới cho từng Khu dân cư

(Kèm theo bộ hồ sơ của Khu dân cư đề nghị UBND cấp xã thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã ..... xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT.	**TM. UBND .....** **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN **Xã.....** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ...../BC-UBND	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho Khu dân cư.....xã ..... năm .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của Khu dân cư ..... về việc thẩm tra, xét công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn Khu dân cư, UBND xã ..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho Khu dân cư ..... năm ..... cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../ ...../..... đến ngày ...../ ...../ .....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....;
- Các nội dung đã thực hiện: .....;
- Khối lượng thực hiện: .....;
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....;
- Các nội dung đã thực hiện: .....;
- Khối lượng thực hiện: .....;
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số ..... về .....

.....
.....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

- .....

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của Khu dân cư ..... đã được UBND xã..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../..... tiêu chí, đạt .....%.

- .....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

- .....

III. KIẾN NGHỊ

.....
.....

...../.

TM. UBND .....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...;

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Khu dân cư, ...xã....., huyện ....., tỉnh .....

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của Khu dân cư *(Ghi rõ nội dung, số liệu đã thực hiện)*	Kết quả thẩm tra của xã *(Ghi rõ nội dung, số liệu đã thực hiện)*	Đánh giá Đạt/Không đạt
1	Đường giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn trên địa bàn Khu dân cư *(đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, bon, buôn; đường liên thôn, bon, buôn; đường ngõ, xóm;...)* được cứng hóa đạt chuẩn theo quy định và đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	100% (≥90% nhựa hóa hoặc bê tông hóa			
		1.2. Cắm mốc đầy đủ hành lang các loại đường: trục xã; liên xã; trục thôn, bon buôn, liên thôn, bon, buôn *(nếu có)* theo quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt	Đạt			
		1.3. Có biển báo giao thông đầu các trục đường chính của Khu dân cư (biển chỉ dẫn, biển báo hạn chế trọng tải xe,....)	Đạt			
		1.4. Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn trong Khu dân cư có trồng hoa hoặc cây xanh	≥80%			
2	Hệ thống điện	2.1. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện	100%			
		2.2. Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn trên địa bàn Khu dân cư có hệ thống điện chiếu sáng	100%			
3	Nhà ở và công trình phụ trợ	3.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%			
		3.2. Không còn nhà tạm, nhà dột nát	Đạt			
		3.3. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo nội dung cuộc vận động *"xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"*	100%			
		3.4. Tỷ lệ hộ gia đình có các công trình phụ trợ, đồ đạc được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	≥90%			

		3.5. Các hộ gia đình có hàng rào bằng bê tông, xây gạch, đá, sắt,… thì phải phủ xanh hoặc trồng cây xanh trong/ngoài		Đạt			
4	Công trình cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Có cổng chào vào Khu dân cư					
		4.2. Có hệ thống loa phát thanh đảm bảo tất cả các hộ gia đình trong thôn, bon, buôn, bản nghe được và hoạt động hàng ngày					
		4.3. Nhà văn hóa và khu thể thao *(áp dụng đối với Khu dân cư có nhà văn hóa thôn, bon, buôn, bản nằm trên địa bàn Khu dân cư)*	4.3.1. Khuôn viên cảnh quan nhà văn hóa được xây dựng xanh - sạch - đẹp (có hàng rào, cổng chào, sân được bê tông hóa; trồng cây xanh; có các pano, áp phích tuyên truyền,…)	Đạt			
			4.3.2. Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt			
			4.3.3. Có khu thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt thể dục, thể thao của người dân	Đạt			
			4.3.4. Nhà văn hóa và khu thể thao và khu thể thao hoạt động hiệu quả, thu hút được người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao hàng năm	Đạt			
			4.3.5. Có Ban quản lý nhà văn hóa và khu thể thao	Đạt			
5	Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập và giảm nghèo	5.1. Có ít nhất 5 mô hình phát triển sản xuất có ứng dụng khoa học công nghệ và đảm bảo an toàn thực phẩm		Đạt			
		5.2. Thu nhập bình quân ít nhất bằng 1,5 lần so với thu nhập bình quân toàn xã tại thời điểm xét		Đạt			
		5.3. Không có hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo)		Đạt			
6	Văn hóa, giáo dục, y tế	6.1. Có ít nhất từ 90% trở lên hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; trong đó có ít nhất 70% đạt liên tục 3 năm liền		Đạt			
		6.2. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; các hộ gia đình thực hiện tốt quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội		100%			

		6.3. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học và học lớp 6 (THCS)	100%			
		6.4. Không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật	Đạt			
		6.5. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥90%			
7	Vệ sinh môi trường nông thôn	7.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	100% (≥80% nước sạch)			
		7.2. Rác thải hộ gia đình phải được phân loại và tập kết đúng nơi quy định để được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt			
		7.3. 100% chuồng trại chăn nuôi (nếu có) đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas, chế phẩm sinh học hoặc có các biện pháp khác để không gây ô nhiễm môi trường,...)	Đạt			
		7.4. Không có tình trạng vứt, xả rác nơi công cộng	Đạt			
		7.5. Định kỳ tối thiểu 01 tháng/lần có tổ chức làm vệ sinh chung toàn Khu dân cư	Đạt			
8	An ninh trật tự xã hội	8.1. Có mô hình quần chúng tự phòng, tự quản về an ninh trật tự và hoạt động hiệu quả	Đạt			
		8.2. An ninh trật tự xã hội Khu dân cư luôn được đảm bảo và giữ vững	Đạt			
9	Xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và các quy định khác	9.1. Có xây dựng các quy ước, hương ước	Đạt			
		9.2. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của quy ước, hương ước	100%			
		9.3. Người dân đóng góp đầy đủ các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật	Đạt			
		9.4. 100% hộ gia đình tổ chức treo cờ tổ quốc vào các ngày lễ lớn có quy định phải treo cờ tổ quốc	Đạt			
10	Vườn - rẫy kiểu mẫu	Có ít nhất 02 vườn - rẫy đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh	Đạt			

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN **Xã.....** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ..../ ..../..... của UBND xã ..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho Khu dân cư.....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../ ...../..... tại ....., UBND xã..... (huyện .....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;
- .....
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của Khu dân cư .....;

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới của Khu dân cư .....

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận Khu dân cư..... đạt chuẩn nông thôn mới.

- .....

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận Khu dân cư ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ..... /tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../ ...../ ....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện ..... bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 07

MẪU BẰNG CÔNG NHẬN KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

(Quốc huy)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ XÃ .....

CÔNG NHẬN

Khu dân cư....., xã....., huyện....., tỉnh Đắk Nông
Đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Quyết định số: ...../QĐ-UBND
ngày ..../ ..../ .....
Vào Sổ số: ...../QĐ-UBND

....., ngày .... tháng .... năm ....
CHỦ TỊCH

II. MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ VƯỜN MẪU - RẪY MẪU TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thẩm tra, xét, công nhận đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

……, ngày …… tháng….. năm …..

Kính gửi: UBND xã ……., huyện ……, tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-UBND, ngày 18/9/2018, của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND, ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí về Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Tính đến tháng .... năm ……,Vườn (rẫy) của gia đình/cá nhân chúng tôi là:……..(ghi rõ họ và tên), địa chỉ: thôn……..,xã…….,huyện,…….. có số tiêu chí đã đạt chuẩn theo quy định của Bộ tieu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1467/QĐ-UBND, ngày 18/9/2018, của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông là …../ ….. tiêu chí và có đủ các điều kiện để được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Vì vậy, Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã ……,huyện ……, tỉnh Đắk Nông xem xét, thẩm tra, công nhận đạt chuẩn./.

Chủ vườn/rẫy
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ….. tháng ….. năm ……

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

I. Thông tin chung

1. Họ và tên chủ vườn, rẫy:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Địa chỉ thường trú:

4. Địa chỉ, vườn, rẫy:

5…….

II. Đặc điểm tình hình chung của vườn, rẫy

1. Nêu tóm tắt về đặc điểm của vườn, rẫy: Diện tích, cây trồng, sản lượng,…..

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

III. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí Vườn mẫu, rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

1. Nguồn lực đã huy động/tự bỏ ra để làm vườn, rẫy:……

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Vườn mẫu, rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí tự đánh giá đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới theo quy định là …../ ……. tiêu chí, đạt ……. %, cụ thể

1. Tiêu chí số …… về ……

a) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: ……

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:
……

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

b) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …… (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số …….. về ……..

a) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: ……

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

b) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số ..... về .....

.....

V. Đề xuất, kiến nghị

CHỦ VƯỜN/RẪY

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU, RẪY MẪU

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện *(Ghi rõ nội dung, số liệu đã thực hiện)*	Đánh giá Đạt/Không đạt
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1 Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn, rẫy được UBND xã xác nhận	Đạt		
		1.2. Thực hiện đúng quy hoạch - thiết kế được UBND xã xác nhận	Đạt		
		1.3. Vườn, rẫy phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp	Đạt		
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	Có hệ thống tưới, tiêu khoa học và có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến được cơ quan có chức năng công nhận	Đạt		
3	Cảnh quan, môi trường vườn, rẫy	3.1. Có hệ thống đường đi trong vườn, rẫy thuận tiện đi lại; trong đó tuyến trục chính được cứng hóa	Đạt		
		3.2. Có hệ thống thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường	Đạt		
		3.3. Chuồng trại chăn nuôi (nếu có) phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas, chế phẩm sinh học hoặc có các biện pháp khác để không gây ô nhiễm môi trường,...)	Đạt		

		3.4. Chất thải rắn (nhất là bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật) phải được thu gom, phân loại và xử lý theo quy định	Đạt		
		3.5. Các hoạt động sản xuất trong khu vực vườn rẫy, không gây hại đến môi trường (đất, nước, không khí, sinh vật....)	Đạt		
4	Chất lượng sản phẩm từ vườn, rẫy	4.1. Có ít nhất 1 sản phẩm trong vườn rẫy có liên kết trong tiêu thụ sản phẩm	Đạt		
		4.2. Sản phẩm từ vườn, rẫy phải đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; sản phẩm chính được chứng nhận sản xuất theo quy trình nông nghiệp tốt	Đạt		
5	Thu nhập	Tổng thu nhập bình quân trên 1 ha đạt gấp 4 lần so với thu nhập bình quân trên 1 ha của toàn tỉnh trong năm xét công nhận	Đạt		
6	Năng lực của chủ vườn, rẫy	6.1. Đã qua đào tạo	Đạt		
		6.2. Tâm huyết, trách nhiệm với cộng đồng	Đạt		
		6.3. Có kỹ năng truyền đạt, trao đổi kinh nghiệm và tạo điều kiện cho các hộ dân khác học tập, nhân rộng	Đạt		

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN **Xã.....** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ...../TTr-UBND	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định, xét, công nhận Vườn, rẫy đạt chuẩn Vườn mẫu - Rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND xã..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng vườn mẫu - rẫy mẫu cho các vườn, rẫy của các hộ gia đình trên địa bàn xã;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../ ...../20.... của UBND xã ..... đề nghị xét, công nhận Vườn, rẫy đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm...

UBND xã ..... kính trình UBND huyện/thị xã ..... thẩm định, xét, công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm..., cụ thể:

- Vườn/rẫy hộ gia đình....., địa chỉ.....
- Vườn/rẫy hộ gia đình....., địa chỉ.....
- .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo ..... thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới đối với vườn, rẫy của các hộ gia đình..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí);

2. Biên bản cuộc họp ..... đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy đạt Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm.....(bản chính).

(Kèm theo bộ hồ sơ của các chủ vườn, rẫy đề nghị UBND cấp xã thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã ..... xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT.	**TM. UBND .....** **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN **Xã.....** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ...../BC-UBND	....., *ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của các chủ vườn, rẫy ..... về việc thẩm tra, xét công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm .....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho các vườn, rẫy, UBND xã ..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho các vườn rẫy đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../ ...../..... đến ngày ...../ ...../ .....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí Vườn mẫu - rẫy mẫu

2.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....;
- Các nội dung đã thực hiện: .....;
- Khối lượng thực hiện: .....;
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....;
- Các nội dung đã thực hiện: .....;
- Khối lượng thực hiện: .....;
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số ..... về .....

.....
.....

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí vườn, rẫy của hộ gia đình..... đã được UBND xã..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../..... tiêu chí, đạt .....%.

- .....

III. KIẾN NGHỊ

.....
.....

...../.

TM. UBND .....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...;

BIỂU THẨM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU, RẪY MẪU

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả chủ vườn, rẫy tự đánh giá *(Ghi rõ nội dung, số liệu đã thực hiện)*	Kết quả thẩm tra của xã *(Ghi rõ nội dung, số liệu đã thực hiện)*	Đánh giá Đạt/Không đạt
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1 Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn, rẫy được UBND xã xác nhận	Đạt			
		1.2. Thực hiện đúng quy hoạch - thiết kế được UBND xã xác nhận	Đạt			
		1.3. Vườn, rẫy phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp	Đạt			
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	Có hệ thống tưới, tiêu khoa học và có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến được cơ quan có chức năng công nhận	Đạt			
3	Cảnh quan, môi trường vườn, rẫy	3.1. Có hệ thống đường đi trong vườn, rẫy thuận tiện đi lại; trong đó tuyến trục chính được cứng hóa	Đạt			
		3.2. Có hệ thống thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường	Đạt			
		3.3. Chuồng trại chăn nuôi (nếu có) phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas, chế phẩm sinh học hoặc có các biện pháp khác để không gây ô nhiễm môi trường,...)	Đạt			
		3.4. Chất thải rắn (nhất là bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật) phải được thu gom, phân loại và xử lý theo quy định	Đạt			
		3.5. Các hoạt động sản xuất trong khu vực vườn rẫy, không gây hại đến môi trường (đất, nước, không khí, sinh vật....)	Đạt			
4	Chất lượng sản phẩm từ vườn,rẫy	4.1. Có ít nhất 1 sản phẩm trong vườn rẫy có liên kết trong tiêu thụ sản phẩm	Đạt			

		4.2. Sản phẩm từ vườn, rẫy phải đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; sản phẩm chính được chứng nhận sản xuất theo quy trình nông nghiệp tốt	Đạt			
5	Thu nhập	Tổng thu nhập bình quân trên 1 ha đạt gấp 4 lần so với thu nhập bình quân trên 1 ha của toàn tỉnh trong năm xét công nhận	Đạt			
6	Năng lực của chủ vườn, rẫy	6.1. Đã qua đào tạo	Đạt			
		6.2. Tâm huyết, trách nhiệm với cộng đồng	Đạt			
		6.3. Có kỹ năng truyền đạt, trao đổi kinh nghiệm và tạo điều kiện cho các hộ dân khác học tập, nhân rộng	Đạt			

Mẫu số 12

ỦY BAN NHÂN DÂN **Xã.....** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ..../ ..../..... của UBND xã ..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho các vườn, rẫy.....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../ ...../..... tại ....., UBND xã..... (huyện .....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của các vườn, rẫy .....,,

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy..... đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới.

- .....

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy của hộ gia đình..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ..... /tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../ ...../ ....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận vườn, rẫy đạt chuẩn vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng, nông thôn mới gửi UBND huyện ..... bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 13

MẪU BẰNG CÔNG NHẬN VƯỜN MẪU-RẪY MẪU

(Quốc huy)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN .....

CÔNG NHẬN

Vườn/rẫy của Ông (bà)….thuộc thôn,…..xã,…..huyện ……, tỉnh Đắk Nông
Đạt chuẩn Vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới năm ……

Quyết định số: ……./QĐ-UBND
ngày …./ …./ …..
Vào Sổ số: ……./QĐ-UBND

……, ngày …. tháng …. năm ….
CHỦ TỊCH